HÀNH XỬ CỦA GIỚI NHO SĨ THẾ KỶ XVII-XVIII TRƯỜNG HỢP HỌ VŨ Ở MỘ TRẠCH, HẢI DƯƠNG

TỐNG VĂN LỢI*

1. Đặt vấn đề

Tháng 6 năm Kỷ Dậu (1669), chúa Trịnh Tạc bổ dụng Vũ Duy Chí giữ chức Thượng thư bộ Lễ, Tham tụng. Việc bổ nhiệm đã gây phản ứng trong giới quan chức khi Vũ Duy Chí không tiến thân bằng khoa cử mà đi lên từ vị trí Lại điển (nhân viên cấp thấp), chỉ đỗ khoa Thư toán và chưa từng có học vị Tiến sĩ. Trước phản ứng của quan chức trong chính quyền, chúa Trịnh Tạc đã phải "Luận giải nghi" - giải thích vì sao bổ dụng Vũ Duy Chí (1).

Mặc dù Vũ Duy Chí được bổ nhiệm làm quan chức cao cấp khi xuất phát điểm của ông là nhân viên cấp thấp và không đỗ đạt nhưng anh, em và sau này là con ông đều xuất thân khoa cử. Anh Vũ Duy Chí là Vũ Bạt Tụy đỗ Hoàng giáp khoa thi năm 1634, em ông là Vũ Cầu Hối, con ông là Vũ Duy Hải/Bật Hải đều đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Hợi 1659. Mặc dù đỗ cao (Hoàng giáp, Đồng Tiến sĩ xuất thân) nhưng quan lộ của họ đều không phát triển như Vũ Duy Chí. Câu chuyện này đặt ra vấn đề những trí thức không đỗ đạt có con đường phát triển sự nghiệp như thế nào? Có khác biệt so với trí thức đỗ đạt cao hay không?

Cùng với sự đỗ đạt và thăng tiến của anh em Vũ Duy Chí đã mở ra thời kỳ phát triển của dòng họ Vũ ở Mộ Trạch trên phương diện học hành - thi cử đỗ đạt - tham gia vào nhập quan trường, từng bước đưa họ Vũ trở thành dòng họ nổi tiếng về truyền thống khoa cử. Bài viết thông qua nghiên cứu trường hợp những Nho sĩ trí thức của họ Vũ ở Mộ Trạch thế kỷ XVII-XVIII để phân tích hành trạng tiến thân của giới trí thức, góp phần làm rõ ảnh hưởng, tác động của trí thức Nho học đối với sự phát triển của dòng họ, của làng xã và đất nước (2)... Bài viết, bằng phương pháp thống kê - định lượng và mô tả lịch sử nhằm phác họa bức tranh chung về giới trí thức Đàng Ngoài qua trường hợp Nho sĩ họ Vũ làng Mộ Trạch.

2. Việc học và thi cử thế kỷ XVII-XVIII: con đường tiến thân của giới Nho sĩ

Nho giáo có vai trò và ảnh hưởng sâu sắc đối với xã hội Đại Việt, mà trực tiếp nhất là hệ thống thi cử, tuyển chọn quan chức cho chính quyền. Những triết thuyết của Nho giáo, của Khổng Tử và các môn đệ của ông đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, hành động của trí thức Nho học. Nho sĩ Đại Việt tiếp thu các giáo lý kinh điển của Nho giáo, coi đó là khuôn vàng thước ngọc của học thuật, là kim chỉ nam cho tư tưởng và hành động của họ với thời cuộc, đất nước. Trong thực tế, đó là một tầng lớp dọc, có gốc ăn khá sâu trong khối quần chúng bình dân, còn đỉnh thì vươn tới đẳng cấp thượng lưu thống trị. Phần lớn

*TS. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội

giới trí thức Nho học đều xuất thân từ những gia đình bình dân ở nông thôn (3).

Từ thế kỷ XV, với sự độc tôn Nho học thì các loại hình trí thức khác (như trí thức Phật giáo...) nhanh chóng bị thu hẹp và vô danh hóa. Trí thức Nho học chiếm vị trí trung tâm trong đời sống chính trường, trở thành lực lượng chính trong hoạt động văn hóa nghệ thuật (4). Nho sĩ - những trí thức được đào tạo bài bản là nhóm xã hội tạo nên "sức mạnh của Khổng giáo" và tuân thủ câu châm ngôn đã trở thành cổ điển: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Một xã hội lấy sản xuất nông nghiệp là nền kinh tế chính, thương nghiệp có địa vị cuối cùng trong thang bậc giá trị "sĩ - nông - công - thương" thì học và thi cử đỗ đạt là phương tiện thăng tiến xã hội danh giá và nhanh chóng nhất. Do đó, học - trước hết là nhu cầu để thay đổi vị thế xã hội. Hiếu học trở thành giá trị truyền thống. Xuất phát từ khả năng thay đổi vị trí xã hội bằng con đường học hành, thi cử nên nhu cầu đi học của người dân là rất đông. Du khách nước ngoài đều xác nhận người Đàng Ngoài rất hiếu học, "vì đây là con đường để đạt được quyền lực và vinh hiển... là động lực khiến người Đàng Ngoài miệt mài và chăm chỉ học hành". "Ở Đàng Ngoài, học thức được đặc biệt đánh giá cao… và chỉ có giới Nho sĩ mới được coi là những bậc cao quý của đất nước" (5).

Việc học ở Đàng Ngoài trong hai thế kỷ XVII-XVIII được nhà nước quan tâm. Các chính sách ưu đãi như miễn giảm thuế thân, dao dịch cho người đi học, cấp ruộng cho trường học từ cấp phủ trở lên. Năm 1723 nhà nước cấp 60 mẫu học điền cho trường quốc học, trường hương học (phủ lớn 20 mẫu, phủ vừa 18 mẫu, phủ nhỏ 16 mẫu) để lấy hoa lợi (6). A.Richard khẳng định: các thầy giáo trường công "được lấy từ bậc thấp nhất trong giới Nho sĩ và ăn lương của nhà vua". Một chức quan riêng - Đốc học được đặt để phụ trách việc học. Ngoài hệ thống trường công, những trường tư cũng rất nhiều, nổi tiếng là trường Hào Nam của Vũ Thạnh. Có không ít những lớp học do thầy đồ tổ chức trong xã thôn mà Richard gọi là "thầy đồ trường làng" (7).

Giáo trình cơ bản nhất là các sách kinh điển Nho giáo được biên soạn "trên cơ sở tập hợp kiến thức từ các nhà triết học cổ đại Trung Quốc, luận chủ yếu về châm ngôn, lý luận chính trị, đạo đức, lễ nghĩa…" (8). Chữ Hán là kiểu chữ tượng hình nên phải học từng chữ cụ thể. Các nhà nho Đàng Ngoài "đều dốc sức để học thứ chữ viết của họ (tức chữ Hán)". "Để trở thành nhà nho, họ phải học những sách vở sau đây. Đầu tiên là *Ngũ kinh*... và *Tứ thư* "gồm 4 cuốn kết hợp thành 1 bộ là *Luận ngữ, Đại học, Trung dung* và *Mạnh tử*". Người đi học "nghiên cứu những sách này để trở thành Nho sĩ, và họ sẽ bền bỉ nghiên cứu, học thuộc lòng những bộ sách này để đạt được các hạng trong giới Nho sĩ" (9). S.Baron khẳng định các sách *Tứ thư, Ngũ kinh* "là bộ sách cổ nhất và với danh tiếng của nó không một người Đàng Ngoài chấp nhận điều gì trái với nội dung bộ sách này cả". Nhà nước cũng yêu cầu Nho sĩ không được học gì khác ngoài học các kinh điển Tứ thư, Ngũ kinh bởi "các nguyên tắc của Khổng Tử rất phù hợp với những quy tắc cai trị của nhà nước cũng như các quy định về hành vi cư xử của con người" (10). Năm 1732, trước tình hình Nho sĩ chuyên chú học thuộc lòng, sưu tầm tiểu chú, bỏ sót chính văn, Phủ liêu khẳng định "sách vở thánh hiền là ông tổ văn chương", nên bắt học trò học thuộc chính văn sách Kinh, Truyện. Các sách Tả truyện và Thông giám cương mục cần phải thuộc kỹ, các phần tập chú, tiểu chú chỉ chọn những bài tinh túy. Năm 1734, trên cơ sở "hiệu đính, kiểm duyệt 5 kinh theo bản khắc văn của Trung Quốc,

rồi khắc thành sách". "Sách đã in xong, ban bố trong nước, để theo đấy mà dạy bảo học trò, cấm mua sách của Trung Quốc... Nguyễn Hiệu và Phạm Khiêm Ích chia nhau khắc các bản *Tứ thư, Chư sử, Thi lâm* và *Tự vị* ban hành trong nước" (11).

Sau một quá trình học tập, các nho sinh bắt đầu tham gia các kỳ thi tuyển do nhà nước tổ chức là các kỳ thi Hương, Hội và Đình. Các kỳ thi này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi nó đã tác động sâu sắc đến quá trình hình thành, đổi mới và củng cố toàn bộ sự phát triển của chế độ quan lại Trung Hoa - Việt Nam (12).

Kỳ thi đầu tiên là Hương (Hương thí). Quy định năm 1501, 1511 cho phép những người có hạnh kiểm tốt, học trò tứ trấn biết viết văn đủ 4 trường; học trò xứ Hưng Hóa, An Bang, Tuyên Quang, Lạng Sơn làm văn đủ 3 trường mới được đi thi. Số lượng người đi thi lấy theo quy mô xã: xã lớn 20 người, xã trung 15 người, xã nhỏ 10 người do xã trưởng khảo hạch, sau đó tiếp tục do quan huyện khảo hạch tư cách. Năm 1678, nhà nước ban hành điều lệ thi Hương gồm 16 điều, cụ thể hóa điều lệ ban hành năm 1501, 1511. Từ năm 1721 trở đi, xã trưởng không được quyền khảo hạch người đi thi nữa, thay vào đó huyện quan trực tiếp khảo hạch, lấy người đủ điều kiện theo quy mô: huyện lớn 200 người, huyện trung 150 người, huyện nhỏ 100 người (13). Năm 1750, Đỗ Thế Giai đề xuất người đi thi nộp 3 quan thì không phải sát hạnh, được vào dự thi ngay. Quy định này "chỉ cốt thu được nhiều tiền, mà không đếm xỉa đến người có học hay không học" (14) đã tạo ra thời kỳ "sinh đồ 3 quan" gây rối loạn việc học và thi vào cuối thế kỷ XVIII.

Mỗi trấn/thừa tuyên có 1 trường thi hương. Đến ngày thi, hiệu quan và xã trưởng đến trước cửa trường để nhận diện học trò xã mình nhằm đề phòng thi hộ. Người đỗ hương cống các khoa trước phải đến điểm danh (gọi là *điểm mục*, người không đến điểm danh bị gọi là *khiếm điểm* - sẽ không được đi thi kỳ tiếp theo) ở điện đình, giám sinh đến điểm danh ở Quốc tử giám (15). Mặc đù kiểm soát chặt chẽ nhưng vẫn có những kẽ hở cho việc thi hộ. Theo gia phả họ Vũ ở Mộ Trạch, ông Vũ Công Đạo đã thi hộ kỳ thi hương năm 1657 ở trường thi Thanh Hoa. "Năm Bính Thân (1656) [Vũ Công Đạo] đi thi hội không đỗ. Năm sau nhà có tang [cha ông là Vũ Văn Hoành mất], vừa lúc có kỳ thi hương, ông lén vào trường thi Thanh Hoa để thi thuê, sĩ tử nhiều người đỗ, ông được nhiều tiền, giấu trong hai cái hũ, phủ cá mắm lên trên, trở về bằng thuyền. Người trên thuyền ngửi nặng mùi đều tránh xa, nhờ vậy mà ông "mang về được toàn vẹn" [số tiền ông kiếm được do thi hộ]". Vì đi thi hộ nên Vũ Công Đạo không đến điểm danh ở địa phương theo quy định nên bị tội *khiếm điểm*. Rất may cho Vũ Công Đạo, do sĩ tử bị tội khiếm điểm khá nhiều nên Trịnh Căn tha cho những người mắc khuyết điểm đó, vì "phàm các người thay kẻ khác đi thi tức là người văn hay chữ tốt nên tha hết". Vũ Công Đạo được đi thi và đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659) (16).

Thí sinh phải trải qua 4 trường thi, độ khó của các trường sẽ tăng dần, qua được trường này thì được dự thi trường tiếp theo. Trường nhất thi vào ngày 8-8, trường nhì ngày 18, trường tam ngày 24, trường tứ ngày 28 (17). Người đỗ tam trường gọi là sinh đồ, đỗ tứ trường là hương cống (18). Thí sinh thi qua tam trường, được đánh giá là "sảo thông sinh đồ" thì được vào thi tứ trường, nếu chỉ đạt mức "thứ thông sinh đồ" thì không được vào thi tứ trường. Theo S.Baron, người đạt học vị sinh đồ có khoảng 300 [người] bởi việc tuyển lựa chặt

chẽ. "4.000 hoặc 5.000 bài chỉ chọn được khoảng 1.000 bài qua được vòng loại thứ nhất, vòng thứ hai không quá 500 và vòng chấm cuối cùng chọn ra khoảng 300 người đỗ *singdo* (sinh đồ)". Tuy nhiên, căn cứ theo điều kiện học tập ở mỗi trấn khác nhau thì số lượng sinh đồ hoặc hương cống lấy đỗ cũng khác nhau. Trước năm 1720, trường thi Sơn Nam lấy đỗ 600 sinh đồ sau tăng lên 800 sinh đồ, 60 hương cống tăng thành 80. Trường thi Phụng Thiên trước năm 1726 lấy đỗ hơn 100 sinh đồ sau tăng lên 150; hương cống trước 10 người nay tăng lên 20 người (19). Nhà nước quy định số lượng lấy đỗ hương cống ở trường thi Thanh Hoa là 60 người, Sơn Nam 80 người, Nghệ An, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương mỗi trường lấy 50, 60 hoặc 30 người (20). Như vậy, mỗi kỳ thi hội lấy đỗ tối đa khoảng 340-350 người. 58 kỳ thi đình cho phép ước đoán ít nhất số lượng các kỳ thi hội cũng tương đương. Do đó, số người đạt học vị hương cống khoảng trên dưới 2 vạn người trong thế kỷ XVII-XVIII.

Sinh đồ, hương cống sẽ có những quyền lợi nhất định. "Những người không muốn học lên nữa có thể tìm kiếm công việc làm cho các quan tri phủ, trong các đơn vị tư pháp, thư lại… những chức quan cần viết giỏi hơn là nói hay" (21). Ngoài ra, họ có thể tham gia vào đội ngũ xã quan (bởi nhà nước ưu tiên chọn sinh đồ làm xã trưởng), làm thầy đồ dạy học, được miễn giảm thuế thân và các công việc dao dịch, tiêu chuẩn ruộng công được cấp nhiều hơn người dân trong làng xã.

Kỳ thi thứ 2 là thi Hội (Hội thí). Thi hương diễn ra vào tháng 8 thì thi hội diễn ra vào tháng 3 năm sau, mở 3 năm một lần dành cho những người đạt học vị hương cống. Thể lệ kỳ thi hội được quy định năm 1664 đề cập đến vai trò, chức trách của các quan phụ trách kỳ thi cũng như việc đảm bảo an ninh cho kỳ thi hội.

Quy định lấy đỗ hương cống ở các trường Sơn Nam, Kinh Bắc... cho phép ước đoán có khoảng 340-350 hương cống sẽ tham gia kỳ thi hội. Trường thi đặt ở sân điện Giảng Võ. Thí sinh cũng phải vượt qua 4 trường. Kỳ thi hội tương tự như thi hương nhưng "giám khảo và sĩ tử bị giám sát chặt chẽ hơn. Các sĩ tử không được phép nói chuyện hoặc trao đổi với nhau (trong thực tế họ bị xếp ngồi cách nhau đủ xa trong quá trình làm bài)". S.Baron cho biết cụ thể rằng "trong lúc thi những người đã đỗ hương cống trong kỳ trước bị rời khỏi địa bàn tổ chức thi và về tập trung ở kinh đô, nơi họ bị giám sát nghiêm ngặt và không được phép rời đi cho đến khi kỳ thi kết thúc. An ninh đối với những hương cống đỗ kỳ trước cũng được thông báo đến quan tri phủ các tỉnh để đảm bảo họ không gian lận thi hộ cho người khác" (22).

Thí sinh làm xong bài thi các kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam sẽ được giám sinh, sinh đồ, lại điển chép lại thành 1 bản khác (gọi là *đằng lục*). Bản chính và bản chép lại sẽ đối chiếu xem có giống nhau không (gọi là *đối độc*). Bài thi ở kỳ thứ tư do lại điển ở nha môn phụ trách việc chép lại (đằng lục) và đối chiếu (đối đọc) (23). Những bài kém bị loại, bài tốt được chuyển lên cho các tiến sĩ chấm, chọn ra những bài tốt nhất để lấy đỗ. Người đỗ đạt được xướng danh một cách trang trọng, được hưởng nhiều quyền lợi hơn những người đỗ sinh đồ. "Họ còn vinh dự được vào triều đình để nhà vua ban thưởng cho khoảng 1.000 đồng tiền, tương đương khoảng 1 đôla, và một tấm vải đen, trị giá khoảng 3 đô la để may áo mũ". Người đỗ hương cống "không đỗ kỳ thi Đình có thể tiếp tục tìm kiếm vận may ở lần thi sau. Nếu không họ có thể nhận

một chức pháp quan hoặc nhận chức quan quản lý một làng" (24).

Kỳ thi thứ 3 là thi Đình (Đình thí). Người đỗ kỳ thi Hội sẽ được vào thi Đình do đích thân vua hoặc và chúa tuyển chọn để xếp ngạch đỗ Tiến sĩ (25). Trước năm 1736, người thi hội ở bộ Lễ trúng cách sẽ vào thi Đình, do nhà vua ra bài văn sách, lấy đỗ và truyền lô xướng danh người đỗ. Tuy nhiên, từ năm 1736 trở đi, Trịnh Giang cho triệu sĩ tử vào thi ở phủ đường, cất nhắc người đỗ cao thấp khác nhau (26). "Chỉ những người đỗ hương cống hạng ưu mới được phép tham dự kỳ thi này và số người đỗ cũng rất ít". "Đích thân nhà vua (hoặc chúa) tham gia giám khảo, cùng với các hoàng tử, các vị tiến sĩ nổi tiếng và những vị quan tòa... Những người đỗ được bạn bè chúc tụng, công chúng tung hô, và được các bậc đồng liêu tôn vinh với những lời lẽ đầy khen ngợi. Vua ban tặng cho họ một nén bạc trị giá khoảng 14 đôla, một tấm lụa kèm theo quyền quản lý và thu thuế một số làng (nhiều hay ít tùy theo sự màu mỡ của vùng đó). Người làng chi tiền làm tiệc mừng một vài lần. Những người đỗ tiến sĩ được bổ vào các vị trí pháp quan và thường được phái đi sứ ở Trung Quốc" (27). Tiến sĩ là học vị cao nhất, niềm tự hào đáng mơ ước của những người đi học.

Việc học và thi, đối với giới trí thức là nhiệm vụ chính, không bị hạn chế về tuổi và thời gian dự thi. "Khi người học cảm thấy tự tin về khối kiến thức của mình họ sẽ đăng ký dự thi. Ở Đàng Ngoài người học không bị buộc phải học cũng như không hạn chế tuổi với người đi thi". Có người sớm thành đạt, có người lận đận khoa trường, học tập, thi cử trong một thời gian dài vẫn không như kỳ vọng. "Có người đỗ đạt sau mười hai hoặc mười lăm năm sôi kinh nấu sử; nhưng cũng có kẻ hai mươi lăm năm hoặc thậm chí ba mươi lăm năm đèn sách mà vẫn lận đận, thậm chí có người chẳng thể đỗ đạt dù tiêu tốn cả đời mình vào nghiệp học hành" (28). A.Richard cũng nhận xét tương tự: "Vả lại, đối với Nho sĩ không có hạn định dành cho thời gian học tập. Có những người chỉ có thể đạt được bằng cấp sau mười, hai mươi, thậm chí là ba mươi năm đèn sách. Và cũng có vô số những kẻ khác đã đi hết cả cuộc đời với vô vàn sự thử sức vô ích và chẳng đạt được bất kỳ kết quả nào" (29). Họ Vũ ở Mộ Trạch nổi tiếng về sự học hành, nhiều người trong dòng họ lấy việc học và thi là hành xử duy nhất, có nhiều người đỗ đạt nhưng cũng không ít trường hợp lận đận khoa trường. Vũ Xuân Phú thuộc chi 2, đời thứ 11, lần đầu đi thi đỗ hương cống, nhưng thi Hội 6 khoa đều trúng tam trường. Ông Vũ Đăng sinh năm 1649 thuộc chi 2, đời thứ 12 nổi tiếng học giỏi, theo học Vũ Công Đạo, đỗ Giải nguyên kỳ thi Hương nhưng thi Hội 10 khoa chỉ trúng tam trường (30)…

3. Hành xử của giới trí thức Nho học: Trường hợp họ Vũ ở Mộ Trạch

Trong bối cảnh người đủ điều kiện đi thi rất đông nhưng người đỗ đạt và thành công không phải là nhiều. Những người không thành đạt trong khoa cử "phần lớn họ hài lòng với địa vị thuộc về tầng lớp Nho sĩ và từ bỏ sự nghiệp thi cử: họ làm việc ở những cơ quan cấp thấp, như là thư lại ở các phủ tỉnh hay cho các quan, là những công việc đòi hỏi nhiều về khả năng viết lách hơn là tri thức và tài hùng biện. Đây là loại công việc có tính đặc quyền dành riêng cho giới Nho sĩ" (31). Các nghiên cứu về Nho học, Nho giáo, giáo dục và khoa cử thống nhất quan điểm giới trí thức Đại Việt, nếu đỗ đạt sẽ ra làm quan, gia nhập chính trường. Trong trường hợp không đỗ có thể về tiếp tục ôn tập hoặc làm thầy đồ dạy học. Tiến vi quan, thối vi sư là hành xử truyền thống của giới Nho sĩ. Sinh đồ, hương cống, thậm chí cả những người đỗ tiến sĩ, hoặc sau khi

từ quan cũng có thể làm thầy. Trần Ngọc Vương thiết lập mô hình, nếu phát triển trọn vẹn của cuộc đời một nhà nho thường thấy có thể được quy chiếu:

Đỗ đạt → làm quan → cáo quan

Học → thi cử ẩn dật

Không đỗ đạt → các loại "thầy" (32).

Đối với những bậc danh nho, hiển nho, được tuyển lựa, sàng lọc qua thi cử và thực tiễn quan trường thì mức độ tác động của họ rất lớn. Những Nho sĩ ẩn dật, không hiển đạt (hàn sĩ, hàn nho, thầy đồ...) thì họ có thể đóng góp cho xã hội bằng những sáng tác văn chương, bằng việc trao truyền và giảng dạy tri thức về Nho học, Nho giáo. Bằng cách này hay cách khác, Nho sĩ dù hiển đạt hay không đều có những đóng góp khác nhau.

Lựa chọn làm thầy là một hành xử của sĩ phu, bất kể ở trình độ nào. Trong các xã thôn đều có thầy đồ dạy học, thậm chí nhà nào có điều kiện thì "nuôi" hẳn một thầy đồ để dạy học cho con em trong nhà. Tùy theo điều kiện của xã thôn, của gia đình mà thầy đồ có học vấn uyên thâm hay vừa phải. Thầy đồ trở thành một nghề, đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người dân "muốn biết dăm ba chữ thánh hiền" hoặc nuôi mộng làm quan. Và mặc nhiên, thầy đồ trở thành nghề của những người từng ôm mộng quan trường nhưng không đỗ đạt, hoặc của những người bất đắc chí trong quan trường như trường hợp Vũ Công Đạo, Vũ Thạnh...

Người thầy được xã hội tôn trọng. Những hành vi bất kính với thày giáo đều bị coi là không tôn sư trọng đạo, bị lên án, thậm chí bị phạt nặng. "Những thầy giáo ở trong tất cả làng mạc và thôn xóm chính có quyền lực lớn nhất đối với học trò của mình. Thậm chí sau khi ra khỏi trường, nếu người ta bị tố cáo là thiếu tôn trọng thầy giáo, thì vẫn sẽ bị phạt nặng. Người ta thường mang ơn thầy giáo trong suốt cả cuộc đời. Rất nhiều những thầy giáo trường làng này không chỉ làm cho dân chúng trở nên có học thức hơn" (33). Điều 25 chương *Đấu tụng* của *Quốc triều hình luật* quy định "Học trò mà đánh và lăng mạ thầy học thì bị xử nặng hơn tội [đánh, lăng mạ] người thường 3 bậc, đánh chết thì phải tội chém" (34).

Thầy đồ mở lớp học tại địa phương nơi mình sống, hoặc có thể rời quê đến khu vực khác. "Các bậc phụ huynh tự chọn cho con mình một người thầy mà họ nghĩ là tốt và tự trả công dạy dỗ cho thầy" (35). Phân tích trường hợp ông Dương Tồn ở xã Lục Dương, huyện Chí Linh vào dạy học ở huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, Insun Yu cho rằng "các hàn sĩ không có cơ sở quyền lực mạnh trong làng cũng luôn có những ngoại lệ. Những người này có thể rời quê hương đi tới những vùng khác, bởi thế - trong một chừng mực nhất định - họ đã có tác động ảnh hưởng về văn hóa tới những làng định cư mới của mình" (36). Ông Vũ Đăng Xu sinh năm 1682, được bác là Tham nghị thừa ty Kinh Bắc là Vũ Đăng Hiển dạy chữ. Năm 1702, ông đỗ hương cống, thi hội khoa Quý Mùi và Ất Dậu (1703, 1705) đều trúng tam trường, làm huấn đạo Trường Khánh rồi tri huyện Nghi Dương. Năm 1740, do cuộc khởi nghĩa Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Vũ Trác Oánh mà ông chạy loạn ra phố Vạn Ninh, phường An Lương (nay thuộc thành phố Móng Cái, Quảng Ninh) được "quan châu [Vạn Ninh] là Dực quận công kính trọng như bậc thầy". Năm 1751, Vũ Đăng Xu rời Vạn Ninh, về dạy học ở xã Bất Bế, huyện Vĩnh Lại... Tương tự, ông Vũ Đăng Cử (sinh năm 1717) đến dạy học ở vùng Thụy Anh (nay thuộc tỉnh Thái Bình).

Ta có thể gặp một số trường hợp đã làm quan, sau đó mở trường dạy học. Vũ Công Đạo đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân

khoa Kỷ Hợi 1659, sau khi bị Trịnh Căn bãi chức năm 1683 đã về quê dạy học, học trò theo học rất đông, nhiều người thành danh như "Bảng nhãn Đông Ngạc Phạm Quang Trạch, Đan Loan thám hoa Vũ Thạnh, Dương Liễu hội nguyên Nguyễn Danh Dự". Hai xã Cao Lãm huyện Sơn Minh, xã Kim Lũ huyện Thanh Trì trước chưa mở mang việc học hành, khoa cử. Từ ngày có ông Nguyễn Duy Thuần, sinh đồ Hồng mỗ tới học ông. Từ đó việc học ở Cao Lãm, Kim Lũ được phát triển, vì vậy đều thờ Vũ Công Đạo làm tổ sư (37).

Cũng có trường hợp, nhiều người sau khi đỗ đạt đã không tham gia quan trường mà mở trường dạy học ở quê hoặc đi nơi khác làm nghề dạy học. Ví dụ trường hợp ông Vũ Đăng Khôi, người Mộ Trạch, đỗ sinh đồ đã ra phố Hàng Nồi, phố Hiến làm nghề dạy học. Vũ Văn Hoành (sinh 1606, cha của Vũ Công Đạo), đỗ giải nguyên kỳ thi hương đã mở trường dạy học, học trò nhiều người đỗ đạt (38)...

Ngoài làm thầy, người đạt học vị sinh đồ, hương cống có thể gia nhập bộ máy hành chính bằng cách tham gia các kỳ thi viết chữ do triều đình tổ chức để tuyển chọn lại viên, lại điển - nhân viên hành chính trong các cơ quan nhà nước. Các kỳ thi này không được tổ chức thường xuyên nhưng cũng lấy đỗ được một lượng người khá đông đảo. Kỳ thi năm 1698, 1711, 1725 lấy đỗ tổng cộng 1.332 người, năm 1732 lấy đỗ 700 người, năm 1747 lấy đỗ 1.416 người. Một số lượng sinh đồ có thể được tuyển chọn làm xã quan (xã trưởng, thôn trưởng, xã sử, xã tư) như trường hợp ông Vũ Đăng Tiên, thi hương đỗ sinh đồ, kiêm chức xã trưởng (39).

Phân tích 174 trường hợp nho sinh, sinh đồ, hương cống, thi hội trúng trường... của họ Vũ ở Mộ Trạch, hành trạng của họ như sau:

Nho sinh: 27 trường hợp nho sinh thì có 3 người tham gia bộ máy hành chính với chức vụ thấp: cai hợp lệnh sử hoặc câu kê tướng thần lại, sau thăng lên chức huyện thừa (Vũ Quốc Trân, Vũ Phương Chính, Vũ Duy Tự). Riêng trường hợp nho sinh Vũ Bật Trực làm nghề y.

Thi hương trúng trường: Có 26 trường hợp. Có 6 trường hợp tiếp tục đỗ hương cống, có 4/6 trường hợp sau khi đỗ hương cống tiếp tục thi hội và trúng trường. Đó là ông Vũ Nhữ Dục (sinh 1735), thi hương trúng tam trường năm 1762, đỗ hương cống năm 1763 và tham gia 3 kỳ thi hội vào năm 1763, 1772, 1775, làm quan huấn đạo phủ Nghĩa Hưng, sau thăng làm tri huyện Tiên Lữ. Trường hợp thứ 2 là Vũ Phương Đề, 23 tuổi đỗ hương cống, thi hội trúng tam trường, làm Tri huyện Đông An. Ông Vũ Duy Mưu (sinh 1737), thi hương trúng tam trường năm 1753, đỗ hương cống năm 1759, thi hội 2 khoa 1769, 1778 trúng trường làm Tri huyện Quỳnh Côi, huấn đạo. Ông Vũ Duy Yến (sinh 1704), thi hương trúng tam trường năm 1729, đỗ hương cống năm 1735, thi hội 2 lần đều trúng tam trường, làm Huấn đạo. Như vậy, với 4 trường hợp đỗ hương cống, có thi hội và trúng trường thì chức quan được bổ nhiệm là Huấn đạo (hàm chánh cửu phẩm), Tri huyện (tòng thất phẩm).

20 trường hợp thi hương trúng trường có 7 trường hợp làm viên chức cấp thấp trong bộ máy hành chính với chức giáo thụ, huyện thừa, tòng sự, tư vụ, văn chức. 15 trường hợp không ghi hành trạng, đoán là không tham gia chức vụ gì trong bộ máy hành chính cũng như trong hàng ngũ xã quan hoặc tham gia dạy học.

Sinh đồ: 46 trường hợp đạt học vị sinh đồ thì có 14 người tiếp tục đỗ hương cống, 2 trường hợp (trong số hương cống) tiếp tục thi hội trúng trường là ông Vũ Huy Tiến (sinh 1733, không làm quan) và ông Vũ Duy Ngạn - làm quan tri huyện Đông

Ngàn, sau thăng chức Hàn lâm hiệu thảo. 12 người đỗ hương cống còn lại thì có 1 người làm Huấn đạo, 6 người làm viên chức cấp thấp (văn chức, thiếu khanh nội điện, chỉ huy sứ ty, huyện thừa), 4 người là giám sinh (học sinh trường Quốc Tử Giám). 32 trường hợp đỗ sinh đồ có 22 người không ghi hành trạng, 2 người mở trường dạy học, 2 người làm xã trưởng, 2 người làm huyện thừa, còn lại làm tứ bảo văn phòng, cai hiệp, 1 người theo Hoa quận công đi theo nghiệp võ, làm quan đến chức chỉ huy thiêm sự, đó là trường hợp ông Vũ Đình Lý.

Hương cống: 105 trường hợp đỗ hương cống thì có 91 trường hợp thi lần đầu tiên đỗ ngay, trong đó có 4 người đỗ đầu (giải nguyên). Trong 105 hương cống có 48 người thi hội trúng trường, 13 người đỗ tiến sĩ. Trong 13 trường hợp đỗ tiến sĩ thì có 12 người thi lần đầu đã đạt được học vị tiến sĩ. 1 trường hợp (ông Vũ Cầu Hối (sinh 1613), thi hội trúng trường được bổ nhiệm làm Huấn đạo, sau đó tiếp tục đi thi, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Hợi 1659, khi đó ông 47 tuổi). Có 2 tiến sĩ không ghi hành trạng là Vũ Trác Lạc (đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Bính Thân 1656), Vũ Đình Thiều (đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thân 1680).

Người đỗ hương cống được tham gia nhiều kỳ thi hội, đơn cử như ông Vũ Đăng Hiển (sinh 1649) thi hội 10 lần, Vũ Phú Xuân thi hội 6 kỳ chỉ trúng tam trường, ông Vũ Duy Tư, Vũ Đình Hiệu, Vũ Phương Lan, Vũ Phương Ngạc (sinh 1673), Vũ Công Tương (sinh 1625) thi hội 5 lần...

- 22 trường hợp đỗ hương cống nhưng gia phả không ghi hành trạng. Trong số này có 3 trường hợp tham gia thi hội trúng trường, 2 trường hợp đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

- 28 trường hợp đỗ hương cống có ghi hành trạng: có 1 người không ra làm quan mà ở nhà dạy học (trường hợp ông Vũ Văn Hoành, sinh năm 1606, đỗ giải nguyên). 27 trường hợp còn lại được bổ nhiệm các chức: điển bạ, điển sự, giảng dụ, huyện thừa, tự thừa, tri phủ, văn chức (2 người), tư vụ (2 người), thị nội (2 người), giám sinh (5 người), tri huyện (5 người), huấn đạo cấp phủ (5 người).

- 44 trường hợp đỗ hương cống - thi hội trúng trường thì có 2 người không làm quan mà mở trường dạy học (là ông Vũ Duy Bá và Vũ Công Hoành). 42 trường hợp bổ nhiệm vào các chức vụ trong bộ máy chính quyền như sau: học chính, Hồng lô tự, Cáp sứ, phủ doãn, tả mạc, tự thừa, giảng dụ, tri phủ, viên ngoại lang, hiến sát phó sứ, điển sự (2 người), điển bạ (3 người), văn chức (3 người), tri huyện (7 người) huấn đạo cấp phủ (17 người).

Phân tích hành trạng của những trường hợp hương cống, hương cống - thi hội trúng trường được bổ nhiệm của họ Vũ cho thấy quá trình thăng tiến của họ được đảm bảo theo đúng quy trình bổ nhiệm được ban hành năm 1674 của chính quyền. Quy định "về việc bổ nhiệm các chức danh trong kinh và ngoài trấn" cho chức danh nho sinh trúng thức (là con cháu quan chức, thi đỗ hương cống thì gọi là nho sinh trúng thức) (40): nếu được bổ nhiệm làm quan ở trong kinh sẽ là các chức trưởng sử, bạn độc, tư nghị, giảng dụ, giám bạ, tự ban, các môn, điển bạ, tri huyện, tri châu, huấn đạo. Nếu bổ nhiệm làm quan ở địa phương thì làm các chức tri huyện, tri châu, huấn đạo. Các chức vụ bổ nhiệm đều có phẩm hàm từ bát phẩm trở xuống. Sau khi mãn hạn, khảo xét công trạng thì có thể tiếp tục thăng chức. Nếu là quan ở trong kinh thăng lên

chức viên ngoại lang, tự thừa, huyện úy, học chánh..., nếu là quan ở các địa phương thăng làm tả mạc, đô quan... Các chức vụ này cao nhất có phẩm từ tòng lục phẩm trở xuống. Trường hợp nào thi hội trúng trường, quan ở kinh đô thăng lên chức lang trung, thiếu doãn, thiếu khanh, giáo thụ, nếu quan ở các trấn thăng làm hiến phó. Các chức vụ này có phẩm chánh lục phẩm (41).

Tiến sĩ: 16 trường hợp đỗ tiến sĩ, ngoại trừ 2 trường hợp gia phả không ghi hành trạng, 14 trường hợp còn lại có hành trạng như sau: Cấp sự trung, đề hình giám sát, đốc đồng, giám sát ngự sử, giám sát đạo Sơn Tây, hàn lâm viện hiệu thảo (2 người), hiến sát sứ, cấp sự trung, phủ doãn, đô ngự sử, tham chính, thị lang, tri huyện.

Nghiên cứu trường hợp trí thức của họ Vũ ở Mộ Trạch cung cấp những thông tin về hành xử của họ. Trước hết, đối với các trường hợp nho sinh, người thi hương trúng trường, sinh đồ có 58/81 trường hợp (chiếm 71,6%) không tham gia vào bộ máy chính quyền. Nếu có tham gia vào bộ máy hành chính thì cũng chỉ giữ những chức vụ rất thấp - một dạng như nhân viên hành chính (20/81, chiếm 24,7%). Những trường hợp này gia phả không ghi thêm thông tin về sự phát triển của họ trong bộ máy chính quyền. Có lẽ họ chỉ là những viên chức hành chính "an phận thủ thường", không thể phát triển được vì tài năng cũng chỉ dừng ở mức đó. Có 3 người làm nghề y hoặc dạy học (chiếm 3,7%).

Với 92 trường hợp đỗ hương cống (42), có 20 trường hợp không ghi hành trạng (chiếm 21,7%), 3 trường hợp dạy học (chiếm 3,3%), 69 trường hợp tham gia bộ máy hành chính (chiếm 75%). Có thể thấy tuyệt đại đa số những người đỗ hương cống có tham gia bộ máy hành chính của chính quyền. Phân tích 69 trường hợp tham gia bộ máy chính quyền (bao gồm 27 trường hợp đỗ hương cống, 42 trường hợp đỗ hương cống - thi hương trúng trường) đều được bổ nhiệm chức vụ không cao lắm. Đó là các phẩm hàm tương ứng với các chức vụ theo quan chế thời Bảo Thái (1720-1729):

Chánh ngũ phẩm: phủ doãn.

Tòng lục phẩm: viên ngoại lang, tri phủ (2 người).

Chánh thất phẩm: hiến sát phó sứ, tự thừa (2 người).

Tòng thất phẩm: tri huyện (12 người).

Tòng bát phẩm: cáp sứ (đúng là cáp môn sứ ty), học chính, huyện thừa, tư vụ, điển sự (3 người), điển bạ (4 người).

Chánh cửu phẩm: hồng lô tự, giảng dụ (2 người), huấn đạo cấp phủ (22 người), tả mạc (thừa ty) (43).

Các chức thị nội, giám sinh (5 người), văn chức (5 người).

Không có sự khác nhau trong bổ nhiệm những trường hợp đỗ hương cống, hương cống - thi hội trúng trường. Các chức vụ họ được bổ nhiệm chiếm tuyệt đối có phẩm ở quãng từ chánh cửu phẩm đến chánh thất phẩm. Đây là những vị trí rất thấp trong tổ chức của chính quyền. Cũng xin lưu ý đây là các vị trí được bổ nhiệm tại thời điểm đỗ hương cống. Trong quá trình làm quan, họ có thể được thăng quan, như trường hợp ông Vũ Công Tín, sinh năm 1664, đỗ hương cống năm 1681, thi hội trúng trường, làm quan trải các chức Huấn đạo phủ Hạ Hồng (hàm chánh cửu phẩm), Tri phủ Nam Sách (tòng lục phẩm), Hình bộ lang trung (chánh lục phẩm), Thừa ty Tham nghị Nghệ An (tòng ngũ phẩm). Tuy nhiên, gia phả ghi nhiều trường hợp chỉ đảm nhận 1 chức vụ, cho thấy họ không có sự thăng tiến trong quan trường.

Với 14 trường hợp tiến sĩ mà gia phả có ghi hành trạng, việc bổ nhiệm các chức vụ ban đầu tương ứng với các phẩm:

Chánh ngũ phẩm: thị lang bộ Hình;

Chánh thất phẩm: Cấp sự trung, Đốc đồng, giám sát ngự sử, giám sát đạo Sơn Tây, Hiến sát phó sứ, Hình khoa cấp sự trung.

Tòng thất phẩm: Hàn lâm viện hiệu thảo (2 người), tri huyện (44).

Có thể nói rằng những người đỗ tiến sĩ thường được bổ nhiệm các vị trí có phẩm chánh - tòng thất phẩm, phù hợp với quy định "Bổ nhiệm các chức trong kinh và ngoài trấn" ban hành năm 1674. Tuy nhiên, những người này đều có khả năng cải thiện vị trí của mình trong bộ máy chính quyền. Phân tích 14 trường hợp với chức quan cao nhất họ đảm nhiệm cho đến khi về hưu có cấp phẩm như sau: chánh thất phẩm: 6 người, chánh lục phẩm: 1 người, tòng ngũ phẩm: 2 người, tòng tứ phẩm: 2 người, tòng tam phẩm: 2 người, tòng nhị phẩm: 1 người. Số liệu cho thấy, nếu căn cứ vào quy định người đỗ tiến sĩ được bổ nhiệm chức vụ có phẩm chánh hoặc tòng thất phẩm thì có 8 trường hợp đã cải thiện vị trí của mình (thăng chức từ chánh lục phẩm trở lên), chiếm 57,2% (45).

Như vậy, giới trí thức được tuyển chọn từ khoa cử có những sự phân cấp nhất định. Những người đỗ hương cống phần lớn tham gia vào bộ máy hành chính của nhà nước. Số liệu phân tích dòng họ Vũ ở Mộ Trạch là 75%. Họ đều được bổ nhiệm vào vị trí cấp thấp, có hàm từ bát phẩm trở xuống. Trong quá trình làm quan, họ có thể thăng chức cao nhất đến hàm chánh lục phẩm, với điều kiện phát huy được tài năng. Tuy nhiên, dẫn chứng từ họ Vũ cho thấy mức thăng tiến hết mức của họ cũng chỉ đạt ở mức chánh lục phẩm, không ai vượt qua được giới hạn này. Ngược lại, những người đỗ tiến sĩ, được bổ nhiệm theo theo quy định năm 1674 chỉ có hàm chánh thất phẩm hoặc tòng thất phẩm. Trong quá trình làm quan, tài năng của họ bộc lộ, được thăng lên các chức vụ cao. 14 trường hợp họ Vũ đỗ tiến sĩ cho thấy có 57,2% cải thiện được vị trí của mình. Người thăng tiến cao nhất là Vũ Bạt Tụy.

Tuy nhiên, cũng có những trường hợp ngoại lệ, ví dụ như Vũ Duy Chí. Ông Chí sinh năm 1605, năm 18 tuổi cha (là Vũ Quốc Sĩ) mất, ông "lòng không còn điềm tĩnh nên biếng việc dùi mài văn chương" nên cùng anh là Vũ Tự Khoái theo hầu Trịnh Tạc. Vũ Duy Chí chỉ đỗ hạng ưu khoa Thư toán trong thời Vĩnh Thọ (1658-1662). Bằng tài năng, Vũ Duy Chí được thăng làm thượng thư bộ Binh (1663-1671), thượng thư bộ Lễ kiêm tham tụng, thượng thư bộ Hộ (hàm tòng nhị phẩm. Năm 70 tuổi ông xin trí sĩ, chúa không cho. Năm 72 tuổi, ông lại xin về hưu, chúa đồng ý, thăng chức thượng thư bộ Lại, quốc lão, Thiếu phó (hàm Chánh nhị phẩm), Phương quận công. Năm 1679, Vũ Duy Chí mất, chúa Trịnh Tạc thương tiếc, ban cho 500 quan tiền, sai mệnh quan đến dụ tế, gia tặng Thái bảo (hàm Chánh nhất phẩm), ban thụy là Vĩ Độ, hiệu Phác Trai Vũ tướng công (46).

4. Kết luận

Giới trí thức vốn được coi là tầng lớp tinh hoa với trách nhiệm dẫn dắt sự phát triển của xã hội có hành xử như thế nào trong bối cảnh Đại Việt thế kỷ XVII-XVIII?. Một vài nét phân tích tập trung vào giới trí thức được "tinh lọc" qua các kỳ thi hương, hội và đình đã phác họa phần nào câu trả lời.

Trong bối cảnh kẻ sĩ được trọng dụng đã thúc đẩy việc học. Tuy nhiên, sau hàng chục năm đèn sách, họ ứng thí và con đường khoa cử là cách thức tiến thân

nhanh nhất, nhưng đồng thời cũng là con đường sàng lọc, phân loại trình độ của người trí thức. Theo nấc thang đỗ đạt có nho sinh, sinh đồ, hương cống, tiến sĩ. Với mỗi nấc thang, hành trạng và cách ứng xử của họ cũng khác nhau.

Nghiên cứu trường hợp những nho sinh họ Vũ ở Mộ Trạch trong 2 thế kỷ XVII-XVIII cho phép chúng ta phân tích về những người đỗ đạt. Với những người đạt được sinh đồ, hương cống, thi hội trúng trường, kết quả cho thấy phần lớn họ đều tham gia vào bộ máy hành chính. Chức vụ của họ tương đối thấp với phẩm từ cửu phẩm đến bát phẩm, thất phẩm. Vị trí họ đảm nhận trong bộ máy hành chính nhà nước không có nhiều thay đổi theo thời gian. Thực tế từ những người sinh đồ, hương cống, thi hội trúng trường của họ Vũ cho thấy, trí thức nhỏ, trong chừng mực nào đó là những viên chức bình thường trong bộ máy hành chính nhà nước.

Trường hợp những người đạt được học vị tiến sĩ được bổ nhiệm chức quan thất phẩm ngay sau khi thi đỗ. Tuy nhiên, những người này có khả năng thăng tiến nhanh chóng, cải thiện vị trí của mình trong chốn quan trường. Tuy nhiên, phân tích trường hợp 14 tiến sĩ họ Vũ cho thấy họ chỉ nằm trong nhóm quan chức bậc trung, từ lục phẩm đến tứ phẩm, rất ít đạt đến mức quan chức cao cấp - từ tam phẩm trở lên.

Diễn biến hành trạng của giới Nho sĩ trí thức qua trường hợp họ Vũ ở Mộ Trạch thế kỷ XVII-XVIII cho thấy quá trình phân tầng, phân lớp vị thế chính trị của họ. Từ sàng lọc của hệ thống thi cử và thực tế quan trường, tầng lớp trí thức Nho học có những vị trí nhất định. Vị trí này phần nào phản ánh năng lực và bằng cấp mà họ đạt được.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 322.

(2). Nguồn tư liệu trực tiếp nghiên cứu về hành trạng của trí thức họ Vũ thế kỷ XVII-XVIII là *Vũ tộc thế hệ sự tích*. Gia phả do Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải biên soạn năm 1769, Vũ Huy Đĩnh nhuận sắc. Vũ Phương Lan (1714-?) đỗ Hương cống năm 1735, làm Lang trung bộ Hình; Vũ Thế Nho (1730-?), đỗ Hương cống năm 1753, làm quan Tri huyện; Vũ Tông Hải, thi Hương trúng tam trường; Vũ Huy Đĩnh (11730-?) là người nhuận sắc đỗ Tiến sĩ năm 1754. Những người biên soạn, nhuận sắc gia phả đều là những nhà nho có khoa danh nên những thông tin trong gia phả là đáng tin cậy. Căn cứ thông tin trong gia phả, chúng tôi lập bảng thống kê những nho sĩ của họ Vũ. Tiêu chí thống kê là những người đã tham gia các kỳ thi Hương, Hội, Đình. Xem: Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải, Vũ Huy Đĩnh nhuận sắc, *Vũ tộc thế hệ sự tích (Mộ Trạch - Hải Dương)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004.

(3). Nguyễn Thừa Hỷ, *Về nhân cách của người nho sĩ - quan liêu thời Lê - Trịnh*, trong *Việt Nam học: Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 3: Việt Nam hội nhập và phát triển*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2010, tập 1, tr.156.

(4). Trần Ngọc Vương, *Loại hình tác giả văn học: Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1999, tr. 63.

(5). S.Baron (1685), *A Description of the Kingdom of Tonqueen* [Mô tả vương quốc Đàng Ngoài], A.Richard (1778), *Histoire naturelle, civile et politique du Tonquin* [Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài], 2 tomes, bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2010, tr. 167, 368.

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sđd, tập 2, tr. 292, 293, 369, 438, 439.

(7). A.Richard (1778), *Histoire naturelle, civile et politique du Tonquin* [Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài], 2 tomes, bản dịch tiếng Việt, bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 370, 371.

(8), (10). S.Baron (1685), *A Description of the Kingdom of Tonqueen* [Mô tả vương quốc Đàng Ngoài], bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 167.

(9). Adriano di St. Thecla, *Opusculum de sectis apud sinenses et Tunkinenses (A Small treatise on the Sects among the Chinese and the Tonkinese): A study of Religion in China and North Vietnam in the Eighteenth Century by Father Adriano di St. Thecla*, Olga Dror, Translator and annotator, Cornell Southeast Asia Program press, 2002. Bản dịch tiếng Việt: *Luận về các phái của người Trung Hoa và Đàng Ngoài (Nghiên cứu về tôn giáo ở Trung Hoa và Bắc Việt Nam thế kỷ XVIII)*, Nguyễn Thanh Xuân dịch, Võ Minh Tuấn hiệu đính, Alphabooks & Nxb Thế giới, Hà Nội, 2017, tr.158, 159, 162. Thực ra Kinh Nhạc đã thất truyền từ lâu, trở thành một phần của kinh Lễ. Kinh thứ 5 là kinh Xuân Thu (TVL).

(11), (14), (15), (18), (19), (23), (26). Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sđd, tập 2, tr. [484, 491], 541, [344-345], [457-458], [422, 457, 458], 303, 497.

(12). A.B.Woodside, *Vietnam and the Chinese model: A Comparative Study of Vietnamese and Chinese Government in the First Half of the Nineteenth Century*, Published by the Council on East Asian Studies Harvard University, 1988, p.169.

(13). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.21, 23, 29. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sđd, tập 2, tr. 343-345, 539, 540. Xin lưu ý số lượng quy định ở đây là mức tối đa ("quota" của xã và huyện). Trong thực tế số lượng có thể thấp hơn.

(16). Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải, Vũ Huy Đĩnh (nhuận sắc), *Vũ tộc thế hệ sự tích (Mộ Trạch - Hải Dương)*, sđd, tr. 304.

(17). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sđd, tập 2, tr. 37.

(20). *Lê Quý Đôn toàn tập*, T.2, *Kiến văn tiểu lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 97. Lưu ý đây là số lượng lấy đỗ tối đa, trong thực tế có thể lấy ít hơn.

(21). S.Baron (1685), *A Description of the Kingdom of Tonqueen* [Mô tả vương quốc Đàng Ngoài], bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr.169, 170, 172.

(22). S.Baron (1685), *A Description of the Kingdom of Tonqueen* [Mô tả vương quốc Đàng Ngoài], bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 170, 171.

(24). S. S.Baron (1685), *A Description of the Kingdom of Tonqueen* [Mô tả vương quốc Đàng Ngoài], bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 172.

(25). Kỳ thi Đình xếp hạng người đỗ, chia thành Tam giáp gồm Đệ nhất giáp [còn gọi là Tiến sĩ cập đệ gồm Đệ nhất danh (Trạng nguyên), Đệ nhị danh (Bảng nhãn), Đệ tam danh (Thám hoa)]; Đệ nhị giáp (còn gọi là Tiến sĩ xuất thân, gọi chung là Hoàng giáp); Đệ tam giáp (gọi là Đồng Tiến sĩ xuất thân).

(27), (28). S.Baron (1685), *A Description of the Kingdom of Tonqueen* [Mô tả vương quốc Đàng Ngoài], bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 171, 167.

(29). A.Richard (1778), *Histoire naturelle, civile et politique du Tonquin* [Lịch sử tự nhiên, dân sự và

chính trị xứ Đàng Ngoài], 2 tomes, bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 370.

(30). Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải, Vũ Huy Đĩnh (nhuận sắc), *Vũ tộc thế hệ sự tích (Mộ Trạch - Hải Dương)*, sđd, tr.122-126.

(31). A.Richard (1778), *Histoire naturelle, civile et politique du Tonquin* [Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài], 2 tomes, bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 370.

(32). Trần Ngọc Vương, *Loại hình tác giả văn học: Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam,* sđd, tr. 37.

(33). A.Richard (1778), *Histoire naturelle, civile et politique du Tonquin* [Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài], 2 tomes, bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 306.

(34). *Quốc triều hình luật*, Viện Sử học Việt Nam và Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1991, tr.178.

(35). S.Baron (1685), *A Description of the Kingdom of Tonqueen* [Mô tả vương quốc Đàng Ngoài], bản dịch tiếng Việt, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (chủ biên), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sđd, tr. 167.

(36). Insun Yu (1990), *Law and Society in Seventeenth and Eighteenth Century Vietnam*, Asiatic Research Center Korea University, Bản dịch tiếng Việt: *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII, XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 208, 209. Xem thêm Vũ Phương Đề, *Công dư tiệp ký*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 235, 236.

(37). Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải, Vũ Huy Đĩnh (nhuận sắc), *Vũ tộc thế hệ sự tích (Mộ Trạch - Hải Dương)*, sđd, tr. 127, 128, 305, 352, 387, 388.

(38). Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải, Vũ Huy Đĩnh (nhuận sắc), *Vũ tộc thế hệ sự tích (Mộ Trạch - Hải Dương)*, sđd, tr. 301 chép nhầm học trò Vũ Văn Hoành có Trạng nguyên Nguyễn Công Khôi, chính xác là Trạng nguyên Nguyễn Quốc Trinh.

(39). Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải, Vũ Huy Đĩnh (nhuận sắc), *Vũ tộc thế hệ sự tích (Mộ Trạch - Hải Dương)*, sđd, tr. 150. Căn cứ vào thế thứ, ông Vũ Đăng Tiên sống vào đầu thế kỷ XVII.

(40). Quy định này chỉ nói đến hạng nho sinh trúng thức nhưng qua phân tích các trường hợp đỗ người họ Vũ đỗ hương cống đều kinh qua các chức vụ này, nên có thể được áp dụng chung cho những người đỗ hương cống.

(41). Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội,1995, tr. 43.

(42). Do trừ đi 13 trường hợp đỗ hương cống đã đỗ tiến sĩ.

(43). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.545.

(44). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sđd, tập 1, tr.545.

(45). Có thể kể trường hợp: Vũ Bạt Tụy, sinh năm 1602, năm 1627 đỗ hương cống, đỗ hoàng giáp năm 1643, làm quan trải các chức: Hàn lâm viện hiệu thảo (tòng thất phẩm), đô cấp sự trung Lại khoa (chánh thất phẩm), bồi tụng, thượng thư (tòng nhị phẩm). Vũ Công Đạo, sinh năm 1630, đỗ hương cống, thi đình đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Hợi 1659. Năm 1673 làm phó sứ sang nhà Thanh (Trung Quốc), năm 1683 giữ chức đô ngự sử (chánh tam phẩm) vì phản đối Trịnh Căn nên bị bãi chức. Năm 1691 được khởi phục làm Hữu thị lang bộ Hình (tòng tam phẩm), được phong tặng Thượng thư bộ Lễ (tòng nhị phẩm).

(46). Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải, Vũ Huy Đĩnh (nhuận sắc), *Vũ tộc thế hệ sự tích (Mộ Trạch - Hải Dương)*, sđd, tr. 203-206.